

***Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST***

***Ngày 28 tháng 4 năm 2021***

***"V/v Hôn nhân và gia đình"***

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vũ***

***Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Ngọc Linh và ông Đỗ Minh Tuấn***

***- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Năm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ***

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.***

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự;

**Nguyên đơn: Chị **Mai Thị Hương N** - Sinh năm 1982**

**Nơi cư trú: Khu 22, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ**

**Bị đơn: Anh **Đỗ Trọng N** - Sinh năm 1977**

**Nơi cư trú: Khu 22, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ**

***Anh N vắng mặt, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.***

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Chị Mai Thị Hương N vắng tại phiên tòa, nhưng theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, chị N trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau:

Chị và anh Đỗ Trọng N tự nguyện kết hôn với nhau ngày 19/8/2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hanh Cù, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung cùng gia đình anh N khoảng 01 tháng thì ở riêng. Vợ chồng sống chung một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra va chạm xích mích, tình cảm vợ chồng không hòa thuận, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn bất đồng ngày càng nghiêm trọng không tự giải quyết được

nên từ tháng 12/2019 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn sống chung cùng nhau nữa. Nay chị xác định hôn nhân của chị với anh Nhâm không có hạnh phúc nên không thể trở về để chung sống cùng nhau được và tình cảm đối với anh N không còn vì vậy chị yêu cầu được ly hôn anh Đỗ Trọng N.

- Về con chung: Chị Mai Thị Hương N khai chị và anh Đỗ Trọng N có với nhau 01 con chung là Đỗ Thị T; sinh ngày 27/7/2001, kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì chị là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con, đến nay con chung đã thành niên vì vậy chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Mai Thị Hương N khai giữa chị với anh Đỗ Trọng N không có nên không yêu cầu giải quyết.

\* Về phía bị đơn là anh Đỗ Trọng N, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt mà không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là anh Đỗ Trọng N vẫn vắng mặt mà không có lý do, còn nguyên đơn là chị Mai Thị Hương N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Hương N và anh Đỗ Trọng N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong thời gian chung sống, do bất đồng tính cách và quan điểm sống là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, cả hai bên cũng không thực sự có thiện chí hoặc có biện pháp tích cực nào để cùng nhau giải quyết bất đồng làm cho cuộc sống chung không hòa thuận dẫn đến phải sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay đã là hơn 20 năm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tìm hiểu xác minh tại địa phương nơi chị N, anh N cư trú thì được biết đã nhiều năm nay chị N và anh N không còn ở chung với nhau. Như vậy, có căn cứ để khẳng định vợ chồng chị N, anh N đã không còn sống chung để cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng trong hôn nhân và trên thực tế thì hôn nhân cũng đã không còn tồn tại từ rất nhiều năm nay, nếu cứ tiếp tục ràng buộc sẽ làm cho hôn nhân không có ý nghĩa, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy xét yêu cầu ly hôn của chị N phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Mai Thị Hương N và anh Đỗ Trọng N đã có 01 con chung, tuy nhiên hiện nay con chung đã thành niên, chị N không yêu cầu gì về việc giao nuôi con nên không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Mai Thị Hương N trình bày không có nhưng do bị đơn là anh N vắng mặt nên chưa có căn cứ để giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Mai Thị Hương N phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm, xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là chị Mai Thị Hương N.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho chị Mai Thị Hương N được ly hôn anh Đỗ Trọng N.
- Về con chung đã thành niên, không yêu cầu nên không không giải quyết.
- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.
- Về án phí: Chị Mai Thị Hương N phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2020/0001577 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện; tỉnh;
- UBND xã H, h. T;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Tạ Hồng Tuấn**